TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Phi Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 487/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2026, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 308/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ B, khu phố V, phường P, Thành phố Đ (địa chỉ cũ là: Tổ B, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Ông Đinh Quyết T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ B, khu phố V, phường P, Thành phố Đ (địa chỉ cũ là: Tổ B, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đinh Quyết T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường P, thành phố Đ), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 02/03 ngày 05 tháng 01 năm 2004.

Trong thời gian đầu, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống, thường xuyên bất hòa, cãi vã. Cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng không giải quyết được mâu thuẫn.ay.

Đến nay, tôi nhận thấy tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tôi đã không còn tình cảm với ông T nên tôi đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông Đinh Quyết T.

Về con chung: Tôi và ông T có ba người con chung tên Đinh Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004, Đinh Nguyễn Thái H1, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007 và Đinh Nguyễn Đức A, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về con chung cháu Đ và cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Đinh Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà H, ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà H và ông T có ba người con chung tên Đinh Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004, Đinh Nguyễn Thái H1, sinh ngày 02 tháng 10

năm 2007 và Đinh Nguyễn Đức A, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015. Giao cháu Đức A cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Đ và cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Quyết T và giải quyết vấn đề con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*; Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, ông Đinh Quyết T là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đinh Quyết T có đang sinh sống tại địa chỉ Tổ B, khu phố V, phường P, thành phố Đ (cũ là địa chỉ: Tổ B, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đinh Quyết T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Quyết T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường P, thành phố Đ), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 02/03 ngày 05 tháng 01 năm 2004 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H, quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Hai vợ chồng đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình trạng hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông Đinh Quyết T.

Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông T đến Tòa làm việc nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông T không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 28/4/2026 thì địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T do không trình báo.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông T là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà H và ông T có ba người con chung tên Đinh Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004, Đinh Nguyễn Thái H1, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007 và Đinh Nguyễn Đức A, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015. Ly hôn, bà H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về con chung cháu Đ và cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Xét thấy, ông T không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến. Hiện nay, bà D đang kinh doanh, thu nhập bình quân 30.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện và khả năng để nuôi con. Cháu A hiện đang sống cùng bà H và có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tạm thời, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Đ và cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Quyết T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Nguyễn Đức A, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông Đinh Quyết T không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đinh Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004 và Đinh Nguyễn Thái H1, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003516 ngày 07/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND TP Đồng Nai;*
- *VKS ND TP Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự TP. Đồng Nai;*
- *VKS TP khu vực 1 – Đồng Nai;*
- *Các đương sự.*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thành Thị Thu Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành Thị Thu T1